

Luật số: .../2026/QH16

DỰ THẢO 2
7.8.2026

LUẬT
TRUNG MUA, TRUNG DỤNG TÀI SẢN

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật Trung mua, trung dụng tài sản.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Luật này quy định về việc trung mua, trung dụng tài sản; quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc trung mua, trung dụng tài sản; quyền và nghĩa vụ của người có tài sản trung mua, trung dụng; quyền và nghĩa vụ của người khác có liên quan đến việc trung mua, trung dụng tài sản.

2. *Luật này không điều chỉnh đối với việc trung dụng đất, khu vực biển đã giao để thực hiện hoạt động lấn biển.* Việc trung dụng đất, khu vực biển đã giao để thực hiện hoạt động lấn biển được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người có thẩm quyền quyết định trung mua, trung dụng tài sản.
2. Cơ quan của người có thẩm quyền quyết định trung mua, trung dụng tài sản.
3. Tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản trung mua, trung dụng.
4. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, *cộng đồng dân cư có quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với tài sản là đối tượng trung mua, trung dụng* (sau đây gọi là người có tài sản).
5. *Người được huy động để vận hành, điều khiển tài sản trung dụng.*
6. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc trung mua, trung dụng tài sản.
7. *Tổ chức, cá nhân khác có quyền, nghĩa vụ liên quan đến trung mua, trung dụng tài sản theo quy định của Luật này.*

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Trưng mua tài sản là việc Nhà nước mua tài sản (*không bao gồm tài sản thuộc dự trữ quốc gia; tài sản công*) của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thông qua quyết định hành chính trong trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, tình trạng khẩn cấp, phòng, chống thiên tai.

2. Trưng dụng tài sản là việc Nhà nước sử dụng có thời hạn tài sản của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư (*không bao gồm trường hợp cung cấp dữ liệu cho nhà nước theo quy định của Luật Dữ liệu, xử lý dữ liệu cá nhân theo quy định của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân*) thông qua quyết định hành chính trong trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, tình trạng khẩn cấp, phòng, chống thiên tai.

3. Người có tài sản trưng mua là tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài có quyền sở hữu tài sản thuộc đối tượng trưng mua.

4. Người có tài sản trưng dụng là tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài có quyền sở hữu tài sản hoặc quyền sử dụng tài sản thuộc đối tượng trưng dụng.

Điều 4. Chính sách trưng mua, trưng dụng tài sản

1. Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp về tài sản của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư.

2. Người có tài sản trưng mua được thanh toán tiền trưng mua tài sản; người có tài sản trưng dụng bị thiệt hại về tài sản do việc trưng dụng gây ra thì được bồi thường thiệt hại theo giá trị thị trường.

3. Nhà nước khuyến khích và ghi nhận bằng văn bản việc tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng dân cư tự nguyện hiến, tặng cho tài sản cho Nhà nước hoặc cho Nhà nước sử dụng tài sản mà không nhận bồi thường trong trường hợp trưng mua, trưng dụng tài sản.

Điều 5. Nguyên tắc trưng mua, trưng dụng tài sản

1. Trong trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, tình trạng khẩn cấp, phòng chống thiên tai, Nhà nước trưng mua hoặc trưng dụng có bồi thường tài sản của tổ chức, cá nhân theo giá thị trường. Không thực hiện trưng mua, trưng dụng trụ sở của cơ quan đại diện, đồ đạc và tài sản khác trong đó cũng như các phương tiện đi lại của cơ quan đại diện.

2. Việc trưng mua, trưng dụng tài sản phải bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người có tài sản và không phân biệt đối xử.

3. Việc trưng mua, trưng dụng tài sản được thực hiện theo quyết định của người có thẩm quyền và phải tuân theo điều kiện, trình tự, thủ tục theo quy định tại Luật này và quy định chi tiết của Chính phủ.

4. Người có tài sản trưng mua, trưng dụng phải chấp hành quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản của người có thẩm quyền.

5. Việc quản lý, sử dụng tài sản trung mua, trung dụng phải đúng mục đích trung mua, trung dụng, tiết kiệm và có hiệu quả.

6. *Quyết định trung mua, trung dụng tài sản là căn cứ pháp lý để xác định sự kiện bất khả kháng khi thực hiện các trách nhiệm dân sự của người có tài sản.*

Trường hợp tài sản trung dụng đang trong tình trạng tranh chấp, thế chấp, bảo đảm nghĩa vụ tín dụng, bảo đảm nghĩa vụ dân sự khác thì tạm hoãn việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của các bên có liên quan trong thời gian trung dụng tài sản *theo quyết định trung dụng của người có thẩm quyền*; việc trung dụng không làm chấm dứt hiệu lực của giao dịch bảo đảm, nghĩa vụ dân sự của các bên và được tiếp tục thực hiện sau khi tài sản được hoàn trả, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Việc trung mua, trung dụng tài sản phải bảo đảm việc thu thập, quản lý, sử dụng dữ liệu cá nhân, dữ liệu bí mật kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật; việc tiếp cận, khai thác dữ liệu chỉ được thực hiện trong phạm vi cần thiết để phục vụ mục đích trung mua, trung dụng. Việc trung dụng hệ thống có chứa dữ liệu phải bảo đảm tính bí mật, toàn vẹn, sẵn sàng của dữ liệu, chỉ truy cập trong phạm vi cần thiết, thực hiện phân quyền, ghi nhật ký truy cập và thu hồi quyền quản trị sau khi kết thúc trung dụng.

8. Người ra quyết định trung mua, trung dụng tài sản và người trực tiếp tổ chức thực hiện trung mua, trung dụng tài sản được xem xét miễn, giảm trách nhiệm khi đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục, trên cơ sở thông tin khách quan tại thời điểm quyết định, thời điểm tổ chức thực hiện và không có động cơ vụ lợi. Việc miễn, giảm trách nhiệm của người ra quyết định trung mua, trung dụng tài sản và người trực tiếp tổ chức thực hiện trung mua, trung dụng tài sản không làm ảnh hưởng đến quyền được thanh toán tiền trung mua, hoàn trả tài sản, bồi thường thiệt hại do trung dụng tài sản gây ra của người có tài sản theo quy định của Luật này.

9. Việc trung mua, trung dụng tài sản phải ưu tiên bảo đảm không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai, dịch bệnh của các cơ quan, đơn vị, địa phương nơi có tài sản.

10. Các khoản giảm doanh thu, giảm lợi nhuận, chênh lệch và thiệt hại phát sinh do thực hiện quyết định trung mua, trung dụng tài sản được xác định là yếu tố khách quan và được loại trừ khi đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại doanh nghiệp, đánh giá người quản lý doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước.

Điều 6. Điều kiện và trường hợp trung mua, trung dụng tài sản

Việc trung mua, trung dụng tài sản chỉ được thực hiện trong trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, tình trạng khẩn cấp, phòng, chống thiên tai thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.

1. Điều kiện trưng mua, trưng dụng tài sản:

a) Không có hoặc không đủ hàng dự trữ quốc gia để sử dụng hoặc việc xuất cấp hàng dự trữ quốc gia không bảo đảm tính kịp thời (áp dụng đối với trường hợp trưng mua, trưng dụng tài sản thuộc danh mục hàng dự trữ quốc gia).

b) Đã áp dụng các biện pháp huy động tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng cho Nhà nước theo quy định của các pháp luật có liên quan nhưng không thực hiện được hoặc đã thực hiện nhưng vẫn không bảo đảm nguồn lực tài sản trong các trường hợp thật cần thiết theo quy định tại khoản 2 Điều này (*trong trường hợp pháp luật có liên quan quy định về biện pháp huy động*).

c) Trường hợp cần quyết định ngay để ngăn chặn nguy cơ trực tiếp đối với tính mạng, sức khỏe của người dân, quốc phòng, an ninh thì không yêu cầu phải đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

2. Trường hợp trưng mua, trưng dụng tài sản:

a) Khi đất nước trong tình trạng chiến tranh, tình trạng khẩn cấp về quốc phòng hoặc thiết quân luật theo quy định của Luật Quốc phòng số 22/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 18/2023/QH15, Luật số 38/2024/QH15, Luật số 98/2025/QH15.

b) Khi an ninh quốc gia có nguy cơ bị đe dọa theo quy định của Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15, Luật An ninh quốc gia số 32/2004/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 30/2023/QH15.

c) Khi đất nước trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của Luật Tình trạng khẩn cấp số 104/2025/QH15.

d) Khi chống khủng bố theo quy định của Luật Phòng, chống khủng bố số 28/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 14/2022/QH15.

đ) Khi phải ứng phó và khắc phục thảm họa do thiên tai, dịch bệnh, con người, hậu quả chiến tranh gây ra làm thiệt hại nghiêm trọng về người, tài sản, môi trường theo quy định của Luật Phòng thủ dân sự số 18/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 98/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15, Luật số 145/2025/QH15, Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14.

e) Trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, tình trạng khẩn cấp, phòng, chống thiên tai theo quy định của Luật khác.

Điều 7. Hình thức và hiệu lực của quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản

1. Quyết định trưng mua tài sản phải được thể hiện bằng văn bản.

2. Quyết định trưng dụng tài sản phải được thể hiện bằng văn bản; trường hợp đặc biệt không thể ra quyết định bằng văn bản thì người có thẩm quyền quyết định trưng dụng tài sản được quyết định trưng dụng tài sản bằng lời nói để thực hiện nhiệm vụ được giao và có trách nhiệm ban hành Quyết định trưng

dụng tài sản trong thời hạn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày quyết định trưng dụng bằng lời nói.

3. Quyết định trưng mua, Quyết định trưng dụng có thể được ban hành bằng phương thức điện tử.

4. Hiệu lực thi hành của quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản:

a) Quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản bằng văn bản có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm ký ban hành văn bản.

b) Quyết định trưng dụng tài sản bằng lời nói có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm quyết định trưng dụng bằng lời nói.

Điều 8. Hủy bỏ quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản

1. Quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản bị hủy bỏ trong các trường hợp sau đây:

a) Quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản trái với quy định của Luật này.

b) Khi quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản chưa được thực hiện nhưng điều kiện, trường hợp trưng mua, trưng dụng tài sản quy định tại Điều 6 của Luật này không còn.

c) Khi quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản chưa được thực hiện nhưng vì lý do khách quan mà tài sản đó không còn tồn tại.

2. Khi xảy ra một trong những trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, người có thẩm quyền ra quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản có trách nhiệm hủy bỏ quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản. Trường hợp người có thẩm quyền ra quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản không thực hiện hủy bỏ quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản của mình khi xảy ra một trong những trường hợp phải hủy bỏ quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản quy định tại khoản 1 Điều này dẫn đến gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định hủy bỏ quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản phải được thể hiện bằng văn bản và có hiệu lực thi hành kể từ thời điểm ký ban hành; người có tài sản trưng mua, trưng dụng được nhận quyết định hủy bỏ quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản.

Trường hợp quyết định trưng dụng bằng lời nói nhưng xảy ra một trong những một trong những trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này khi người có thẩm quyền chưa ban hành Quyết định trưng dụng tài sản thì không phải ban hành Quyết định hủy bỏ quyết định trưng dụng tài sản mà có văn bản thông báo tới người có tài sản về việc không tiếp tục thực hiện trưng dụng tài sản.

4. Trường hợp quyết định trưng mua tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này bị hủy bỏ mà tài sản trưng mua đã được bàn giao, tiếp nhận và người có tài sản trưng mua không nhận lại tài sản thì người có tài sản trưng mua được

thanh toán theo quy định tại Điều 19 của Luật này; nếu người có tài sản trưng mua nhận lại tài sản mà việc trưng mua đã gây thiệt hại cho họ thì được bồi thường theo quy định tại Điều 28 của Luật này.

5. Trường hợp quyết định trưng dụng tài sản quy định tại điểm a khoản 1 Điều này bị hủy bỏ mà tài sản trưng dụng đã được bàn giao, tiếp nhận thì tổ chức được giao quản lý tài sản có trách nhiệm hoàn trả lại tài sản cho người có tài sản theo quy định tại Điều 27 Luật này; người có tài sản được bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định tại Điều 28 của Luật này.

Điều 9. Quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản trưng mua, trưng dụng

1. Quyền sở hữu tài sản trưng mua thuộc về Nhà nước kể từ thời điểm quyết định trưng mua tài sản có hiệu lực thi hành.

2. Quyền sở hữu tài sản trưng dụng vẫn thuộc về người có tài sản trưng dụng; quyền quản lý, sử dụng tài sản trưng dụng trong thời gian trưng dụng thuộc về Nhà nước.

Điều 10. Trách nhiệm quản lý nhà nước về trưng mua, trưng dụng tài sản

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về trưng mua, trưng dụng tài sản trong phạm vi cả nước.

2. Bộ Tài chính là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về trưng mua, trưng dụng tài sản.

3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về trưng mua, trưng dụng tài sản theo phân công của Chính phủ và quy định của pháp luật.

4. Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về trưng mua, trưng dụng tài sản theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của người có tài sản trưng mua, trưng dụng

1. Người có tài sản trưng mua, trưng dụng có các quyền sau đây:

a) Được thông báo, cung cấp đầy đủ thông tin về quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản; được yêu cầu người có thẩm quyền quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản giải thích về căn cứ pháp lý, lý do, phạm vi, đối tượng, thời hạn trưng dụng tài sản và các quyền, nghĩa vụ có liên quan.

b) Được tham gia kiểm kê, xác định hiện trạng tài sản khi trưng mua, trưng dụng, hoàn trả tài sản trưng dụng.

c) Được thanh toán tiền trưng mua tài sản; được hoàn trả tài sản trưng dụng và được bồi thường thiệt hại do việc trưng mua, trưng dụng tài sản gây ra.

d) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về trưng mua, trưng dụng tài sản theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo, tố tụng hành chính; việc khiếu nại, tố cáo, khởi kiện không làm đình chỉ việc thi hành quyết định trưng mua, trưng

dụng tài sản, không làm mất quyền được bồi thường, thanh toán hoặc hoàn trả tài sản theo quy định của pháp luật.

2. Người có tài sản trưng mua, trưng dụng có nghĩa vụ chấp hành quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản.

Điều 12. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Trưng mua, trưng dụng tài sản không đúng đối tượng, điều kiện, trường hợp, thẩm quyền và trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

2. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong việc trưng mua, trưng dụng tài sản để tham ô, tham nhũng, trục lợi hoặc vì mục đích cá nhân khác.

3. Trì hoãn, từ chối hoặc chống lại việc thực hiện quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản, quyết định huy động người vận hành, điều khiển tài sản trưng dụng.

4. Bán, trao đổi, tặng cho và các giao dịch dân sự khác làm thay đổi quyền sở hữu đối với tài sản đã có quyết định trưng mua, đối với tài sản đã có quyết định trưng dụng trong thời hạn trưng dụng.

5. Hủy hoại, làm thay đổi hiện trạng của tài sản đã có quyết định trưng mua, trưng dụng.

6. Cản trở hoặc xúi giục người khác cản trở việc trưng mua, trưng dụng tài sản.

7. Quản lý, sử dụng, xử lý tài sản trưng mua, trưng dụng trái với quy định của pháp luật.

Điều 13. Công khai và trách nhiệm giải trình khi trưng mua, trưng dụng tài sản

1. Việc trưng mua, trưng dụng tài sản phải được thực hiện công khai (trừ nội dung thuộc bí mật nhà nước, nội dung liên quan đến an ninh, quốc phòng, dữ liệu cá nhân, bí mật kinh doanh, *bí mật công nghệ*).

2. Nội dung công khai:

a) Quy định của pháp luật về trưng mua, trưng dụng tài sản;

b) Thông tin của tài sản trưng mua, trưng dụng (loại tài sản, số lượng).

c) Thông tin về Quyết định trưng mua tài sản; giá trưng mua tài sản.

d) Thông tin về Quyết định trưng dụng tài sản; thời hạn trưng dụng; giá trị bồi thường khi trưng dụng (nếu có); thời gian hoàn trả tài sản trưng dụng.

đ) *Kết quả quản lý, sử dụng, hoàn trả hoặc xử lý tài sản sau khi hoàn thành mục đích trưng mua, trưng dụng.*

e) Nội dung khác có liên quan.

3. Việc công khai phải bảo đảm chính xác, rõ ràng, đầy đủ, kịp thời theo quy định của pháp luật.

4. Người có thẩm quyền ra quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản và người đứng đầu cơ quan, tổ chức được giao tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản trưng mua, trưng dụng có trách nhiệm giải trình trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân bị tác động trực tiếp bởi quyết định, hành vi đó.

5. Chính phủ quy định chi tiết trách nhiệm, *thời hạn*, hình thức công khai việc trưng mua, trưng dụng tài sản.

Điều 14. Giám sát, phản biện xã hội về hoạt động trưng mua, trưng dụng tài sản

1. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc trưng mua, trưng dụng tài sản theo quy định của pháp luật về hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với việc trưng mua, trưng dụng tài sản theo quy định của pháp luật về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

3. *Công dân, Ban thanh tra nhân dân tại địa bàn nơi thực hiện trưng mua, trưng dụng tài sản thực hiện giám sát theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.*

4. Cơ quan, người có thẩm quyền trưng mua, trưng dụng có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, thông tin; trực tiếp báo cáo, giải trình; thực hiện hoặc trả lời kiến nghị giám sát, trừ thông tin thuộc phạm vi bảo vệ được cung cấp theo chế độ riêng.

5. Hoạt động giám sát không được làm cản trở hoặc chậm trễ việc quyết định, tổ chức thực hiện trưng mua, trưng dụng tài sản trong tình huống cấp bách; không làm ảnh hưởng đến quyền được thanh toán tiền trưng mua, bồi thường, hoàn trả tài sản, khiếu nại, tố cáo và khởi kiện của tổ chức, cá nhân.

Chương II

TRUNG MUA TÀI SẢN

Điều 15. Tài sản thuộc đối tượng trưng mua

1. Thuốc, vắc xin, vật tư y tế.
2. Lương thực, thực phẩm; vật tư; công cụ, dụng cụ.
3. Xăng dầu, khí đốt, hoá chất, nguyên, nhiên, vật liệu khác.
4. Các vật tiêu hao khác.

Điều 16. Quyết định trưng mua tài sản

1. Thẩm quyền quyết định trưng mua tài sản:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

d) Người có thẩm quyền quyết định trưng mua tài sản theo quy định của Luật khác.

Người có thẩm quyền quyết định trưng mua tài sản được phép ủy quyền, phân công cho cấp phó của mình ký thay quyết định trưng mua tài sản theo quy định của pháp luật; không được phân cấp thẩm quyền quyết định trưng mua tài sản.

2. Quyết định trưng mua tài sản phải được giao cho người có tài sản trưng mua hoặc người có quyền sử dụng hợp pháp tài sản theo quy định của pháp luật; trường hợp người có tài sản trưng mua hoặc người có quyền sử dụng hợp pháp tài sản theo quy định của pháp luật vắng mặt thì quyết định trưng mua tài sản phải được giao cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) hoặc trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố nơi có tài sản trưng mua. Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định trưng mua tài sản bằng phương thức điện tử thì quyết định trưng mua tài sản được gửi tới tài khoản định danh điện tử của cá nhân người có tài sản, người đại diện theo pháp luật của tổ chức có tài sản, cá nhân đại diện cho hộ gia đình, cộng đồng dân cư có tài sản; cá nhân là người đại diện của hộ gia đình, cộng đồng dân cư phải có trách nhiệm thông báo đầy đủ thông tin về quyết định trưng mua tài sản cho các cá nhân trong hộ gia đình, cộng đồng dân cư.

Người có thẩm quyền quyết định trưng mua tài sản quyết định cụ thể hình thức ban hành và giao Quyết định trưng mua tài sản phù hợp với điều kiện thực tế để bảo đảm quyết định trưng mua được thông báo hợp pháp và kịp thời.

3. Chính phủ quy định chi tiết thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định trưng mua tài sản.

Điều 17. Cưỡng chế thi hành quyết định trưng mua tài sản

1. Trường hợp quyết định trưng mua tài sản đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật mà người có tài sản trưng mua không chấp hành thì người quyết định trưng mua tài sản ra quyết định cưỡng chế thi hành và tổ chức cưỡng chế thi hành hoặc giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản trưng mua tổ chức cưỡng chế thi hành.

2. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục, trách nhiệm tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định trưng mua tài sản.

Điều 18. Giá trưng mua tài sản

1. Người có thẩm quyền quyết định trưng mua tài sản quyết định giá trưng mua tài sản theo nguyên tắc:

a) Giá trung mua tài sản được xác định phải bảo đảm phù hợp với giá thị trường của tài sản tại thời điểm quyết định trung mua tài sản.

b) Việc xác định giá trung mua tài sản được thực hiện theo các phương pháp định giá phù hợp với đặc điểm của tài sản, mức độ sẵn có của thông tin tại thời điểm trung mua.

2. Giá trung mua tài sản được ghi vào quyết định trung mua tài sản. Trường hợp người có tài sản trung mua không đồng ý với giá này thì giá trung mua tài sản ghi vào quyết định trung mua tài sản là giá tạm tính, người có tài sản vẫn phải chấp hành quyết định trung mua tài sản. *Trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày chấm dứt trường hợp trung mua quy định tại khoản 2 Điều 6 của Luật này*, người có thẩm quyền quyết định trung mua tài sản xác định lại giá trung mua, nếu người có tài sản trung mua vẫn không đồng ý thì có quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện. Việc khiếu nại, tố cáo, khởi kiện và giải quyết khiếu nại, tố cáo, khởi kiện được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo, tố tụng hành chính.

3. Chính phủ quy định chi tiết thủ tục xác định giá, cách xác định giá trung mua tài sản.

Điều 19. Thanh toán tiền trung mua tài sản

1. Tiền trung mua tài sản được thanh toán một lần cho người có tài sản trung mua. *Đối với tài sản trung mua đang được thế chấp, cầm cố, thực hiện bảo đảm nghĩa vụ tín dụng, bảo đảm nghĩa vụ dân sự khác thì tiền trung mua tài sản được thanh toán cho bên nhận bảo đảm và trở thành tài sản bảo đảm thay thế*. Thời hạn thanh toán được thực hiện như sau:

a) Không quá ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định trung mua tài sản có hiệu lực thi hành đối với trường hợp quy định tại *điểm a khoản 2 Điều 6 của Luật này*.

b) Không quá hai mươi ngày, kể từ ngày quyết định trung mua tài sản có hiệu lực thi hành đối với trường hợp quy định tại *các điểm b, c, d, đ và e khoản 2 Điều 6 của Luật này*.

2. Trường hợp không thể thanh toán kịp theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này vì lý do bất khả kháng theo quy định của pháp luật về dân sự thì được gia hạn *một lần*, nhưng thời gian gia hạn không quá ba mươi ngày đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và không quá hai mươi ngày đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. *Cơ quan của người ra quyết định trung mua tài sản quyết định việc gia hạn và thông báo bằng văn bản cho người có tài sản trung mua biết trước khi kết thúc thời hạn thanh toán quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều này*.

Trường hợp tiền trung mua đã được thanh toán theo giá tạm tính quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này và sau khi xác định lại phát sinh chênh lệch thì cơ quan của người ra quyết định trung mua tài sản có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch sau khi xác định lại giá trung mua cho người có tài sản

trong thời hạn không quá hai mươi ngày kể từ ngày hoàn thành việc xác định lại giá trung mua.

3. Kinh phí thanh toán tiền trung mua tài sản được bảo đảm từ ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Cơ quan của người ra quyết định trung mua tài sản chịu trách nhiệm thanh toán tiền trung mua tài sản cho người có tài sản trung mua theo đúng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Trường hợp cơ quan của người ra quyết định trung mua chậm thanh toán cho người có tài sản thì phải bồi thường cho người có tài sản trung mua một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế tính trên số tiền chậm thanh toán và thời gian chậm thanh toán tính từ ngày liền kề sau ngày cuối cùng của thời hạn thanh toán theo quy định.

Điều 20. Quản lý, sử dụng tài sản trung mua

1. Tài sản trung mua được quản lý, sử dụng để phục vụ theo đúng mục đích tại quyết định trung mua.

2. Trường hợp sau khi hoàn thành mục đích trung mua tài sản mà vẫn còn tài sản đã trung mua thì việc quản lý, xử lý tài sản trung mua được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 21. Hiến, tặng cho tài sản trung mua

Trường hợp người có tài sản trung mua tự nguyện hiến, tặng cho tài sản trung mua cho Nhà nước thì Nhà nước không phải thanh toán tiền cho người hiến, tặng cho tài sản. Việc hiến, tặng cho tài sản được lập thành hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự. Việc xử lý tài sản sau khi được hiến, tặng cho được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Chương III

TRUNG DỤNG TÀI SẢN

Điều 22. Tài sản thuộc đối tượng trung dụng

1. Nhà, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất.
2. Khu vực biển đã giao cho tổ chức, cá nhân (trừ khu vực biển đã giao để thực hiện hoạt động lấn biển).
3. Cơ sở hạ tầng viễn thông theo quy định của Luật Viễn thông số 24/2023/QH15; cơ sở hạ tầng thông tin theo quy định của Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 21/2017/QH14, Luật số 20/2023/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 71/2025/QH15, Luật số 84/2025/QH15 và công trình kết cấu hạ tầng khác.
4. Hạ tầng số, tài sản số theo quy định của Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 116/2025/QH15, Luật số 134/2025/QH15, Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15.

5. Vật nuôi.

6. Máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải, phương tiện thông tin liên lạc và phương tiện kỹ thuật khác.

Điều 23. Quyết định trưng dụng tài sản

1. Thẩm quyền quyết định trưng dụng tài sản:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

d) Người có thẩm quyền quyết định trưng dụng tài sản theo quy định của Luật khác.

Người có thẩm quyền quyết định trưng dụng tài sản *được phép ủy quyền, phân công cho cấp phó của mình ký thay quyết định trưng dụng tài sản theo quy định của pháp luật*; không được phân cấp thẩm quyền quyết định trưng dụng tài sản.

2. Quyết định trưng dụng tài sản phải được giao cho người có tài sản trưng dụng hoặc người có quyền sử dụng hợp pháp tài sản theo quy định của pháp luật; trường hợp người có tài sản trưng dụng hoặc người có quyền sử dụng hợp pháp tài sản theo quy định của pháp luật vắng mặt thì quyết định trưng dụng tài sản phải được giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố và chức danh tương đương nơi có tài sản trưng dụng. Trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền ban hành quyết định trưng dụng tài sản bằng phương thức điện tử thì quyết định trưng dụng tài sản được gửi tới tài khoản định danh điện tử của cá nhân người có tài sản, người đại diện theo pháp luật của tổ chức có tài sản, cá nhân đại diện cho hộ gia đình, cộng đồng dân cư có tài sản; cá nhân là người đại diện của hộ gia đình, cộng đồng dân cư phải có trách nhiệm thông báo đầy đủ thông tin về quyết định trưng dụng tài sản cho các cá nhân trong hộ gia đình, cộng đồng dân cư.

Trường hợp tài sản trưng dụng đang trong tình trạng tranh chấp, thế chấp, bảo đảm nghĩa vụ tín dụng, bảo đảm nghĩa vụ dân sự khác thì Quyết định trưng dụng đồng thời được gửi tới tổ chức tín dụng, tổ chức nhận bảo đảm, cơ quan đang giải quyết tranh chấp hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan để biết và phối hợp thực hiện.

3. Trường hợp đặc biệt không thể ra quyết định bằng văn bản thì người có thẩm quyền quyết định trưng dụng tài sản được quyết định trưng dụng tài sản bằng lời nói. Khi quyết định trưng dụng tài sản bằng lời nói, người có thẩm quyền quyết định trưng dụng tài sản phải ghi âm hoặc ghi hình hoặc viết giấy xác nhận việc trưng dụng tài sản ngay tại thời điểm trưng dụng và có trách nhiệm ban hành Quyết định trưng dụng tài sản trong thời hạn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày quyết định trưng dụng bằng lời nói.

4. Việc trưng dụng nhà, công trình kết cấu hạ tầng, công trình xây dựng và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Luật này không bao gồm việc trưng dụng đất độc lập với công trình; người có tài sản bị hạn chế quyền sử dụng đất gắn với nhà, công trình kết cấu hạ tầng, công trình xây dựng, tài sản khác gắn liền với đất trong thời gian trưng dụng nhà, công trình kết cấu hạ tầng, công trình xây dựng, tài sản khác gắn liền với đất.

5. Chính phủ quy định chi tiết thẩm quyền, trình tự quyết định trưng mua tài sản.

Điều 24. Thời hạn trưng dụng tài sản

1. Thời hạn trưng dụng tài sản bắt đầu từ khi quyết định trưng dụng có hiệu lực thi hành và được xác định cụ thể trong Quyết định trưng dụng tài sản nhưng không quá ba mươi ngày, kể từ ngày trường hợp trưng dụng tài sản quy định tại khoản 2 Điều 6 của Luật này không còn.

2. Trường hợp hết thời hạn trưng dụng tài sản này nhưng mục đích của việc trưng dụng tài sản chưa hoàn thành thì được gia hạn nhưng thời gian gia hạn không quá mười lăm ngày.

3. Quyết định gia hạn trưng dụng tài sản phải được thể hiện bằng văn bản và gửi cho người có tài sản trưng dụng trước khi kết thúc thời hạn trưng dụng.

Điều 25 . Cưỡng chế thi hành quyết định trưng dụng tài sản

1. Trường hợp quyết định trưng dụng tài sản đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật mà người có tài sản trưng dụng không chấp hành thì người quyết định trưng dụng tài sản ra quyết định cưỡng chế thi hành và tổ chức cưỡng chế thi hành hoặc giao cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có tài sản trưng dụng tổ chức cưỡng chế thi hành.

2. Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục, trách nhiệm tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định trưng mua tài sản.

Điều 26. Quản lý, sử dụng tài sản trưng dụng

Tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản trưng dụng có trách nhiệm sau đây:

1. Sử dụng tài sản đúng mục đích trưng dụng, tiết kiệm và có hiệu quả. Trường hợp tài sản trưng dụng bị hết niên hạn sử dụng hoặc không đáp ứng các điều kiện cấp phép khai thác khi đang trong thời hạn trưng dụng thì tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản có trách nhiệm thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để bảo đảm tài sản được tiếp tục sử dụng trong thời hạn trưng dụng.

2. Bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản trong thời gian trưng dụng. Trường hợp tài sản trưng dụng là một phần không tách rời trong tổng thể hệ thống do người có tài sản đang quản lý thì việc bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản trưng dụng do người có tài sản thực hiện; tổ chức được giao quản lý, sử

dụng tài sản trưng dụng chi trả cho người có tài sản chi phí bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa đối với tài sản trưng dụng.

3. Chi trả các chi phí liên quan đến quản lý vận hành tài sản trong thời gian trưng dụng.

Điều 27. Hoàn trả tài sản trưng dụng

1. Tài sản trưng dụng được hoàn trả khi hết thời hạn trưng dụng theo quyết định trưng dụng tài sản, *quyết định gia hạn trưng dụng tài sản*. Trường hợp chưa hết thời hạn trưng dụng theo quyết định trưng dụng tài sản nhưng đã hoàn thành mục đích trưng dụng tài sản thì người có thẩm quyền quyết định trưng dụng tài sản ban hành Quyết định hoàn trả tài sản trưng dụng.

2. Tài sản hoàn trả phải bảo đảm đáp ứng tiêu chuẩn và công năng sử dụng tại thời điểm trưng dụng. *Chi phí kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu để đưa công trình, phương tiện trở lại khai thác, sử dụng sau khi hoàn trả (nếu có) được bảo đảm từ ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.*

Việc hoàn trả tài sản trưng dụng phải được lập thành biên bản có chữ ký của cơ quan quản lý tài sản và người có tài sản.

3. Trường hợp người có tài sản từ bỏ quyền sở hữu theo quy định của pháp luật về dân sự hoặc sau 1 năm kể từ ngày tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản đã thông báo cho người có tài sản nhưng người có tài sản không nhận lại tài sản thì tài sản đó thuộc về Nhà nước; tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản trưng dụng có trách nhiệm xử lý theo quy định áp dụng đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên theo quy định của Chính phủ về quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

4. Trường hợp người có tài sản trưng dụng tự nguyện hiến, tặng cho tài sản cho Nhà nước thì xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản đó và xử lý theo quy định của Chính phủ về xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân. Việc hiến, tặng cho tài sản được lập thành hợp đồng theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 28. Bồi thường thiệt hại do việc trưng dụng tài sản gây ra

1. Người có tài sản trưng dụng được bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau đây:

a) Tài sản trưng dụng bị mất.

b) Tài sản trưng dụng bị hư hỏng.

c) Người có tài sản trưng dụng bị thiệt hại về thu nhập do việc trưng dụng tài sản trực tiếp gây ra.

d) Người có tài sản phải thực hiện di dời tài sản, hàng hóa tại nhà, công trình bị trưng dụng để phục vụ cho việc trưng dụng.

2. Mức bồi thường thiệt hại do việc trưng dụng tài sản gây ra được xác định theo nguyên tắc sau:

a) Trường hợp tài sản trưng dụng bị mất hoặc bị hư hỏng không thể sửa chữa, khôi phục được thì việc bồi thường được thực hiện bằng tiền. Mức bồi thường bằng tiền được xác định theo quy định về xác định giá trưng mua tài sản tại thời điểm bồi thường. Trường hợp tài sản bị mất, bị hư hỏng đã được đóng lệ phí trước bạ thì mức bồi thường bao gồm cả lệ phí trước bạ.

b) Trường hợp tài sản trưng dụng bị hư hỏng mà không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này thì việc bồi thường được thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

Tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản trưng dụng sửa chữa, khôi phục lại tài sản và hoàn trả cho người có tài sản trưng dụng;

Người có tài sản trưng dụng tự sửa chữa, khôi phục lại tài sản và Nhà nước bồi thường số tiền tương ứng với các khoản chi phí có liên quan để sửa chữa, khôi phục lại tài sản căn cứ vào hồ sơ, chứng từ chứng minh tính hợp pháp, hợp lệ của các chi phí đó do người có tài sản cung cấp.

c) Trường hợp người có tài sản trưng dụng bị thiệt hại về thu nhập do việc trưng dụng tài sản trực tiếp gây ra thì mức bồi thường được xác định căn cứ vào mức thiệt hại thu nhập thực tế tính từ ngày bàn giao tài sản trưng dụng đến ngày hoàn trả tài sản trưng dụng. *Trường hợp người có tài sản đến nhận lại tài sản sau thời gian hoàn trả trong Quyết định trưng dụng tài sản hoặc Quyết định hoàn trả tài sản của người có thẩm quyền thì không được bồi thường thiệt hại về thu nhập cho khoảng thời gian không đến nhận lại tài sản.*

d) *Trường hợp người có tài sản phải thực hiện di dời tài sản, hàng hóa tại nhà, công trình bị trưng dụng để phục vụ cho việc trưng dụng thì người có tài sản được bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt.*

3. Kinh phí thanh toán tiền bồi thường được bảo đảm từ ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Cơ quan của người ra quyết định trưng dụng tài sản chịu trách nhiệm thanh toán tiền bồi thường cho người có tài sản trưng dụng trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn trả tài sản. Trường hợp cơ quan của người ra quyết định trưng dụng chậm thanh toán tiền bồi thường cho người có tài sản trưng dụng thì phải bồi thường cho người có tài sản trưng dụng một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế tính trên số tiền chậm thanh toán và thời gian chậm thanh toán *tính từ ngày liền kề sau ngày cuối cùng của thời hạn thanh toán theo quy định.*

Đối với tài sản trưng dụng đã tham gia bảo hiểm bị thiệt hại và được doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm chi trả bồi thường bằng hoặc cao hơn mức bồi thường quy định tại Điều này thì ngân sách nhà nước không thực hiện chi trả tiền bồi thường theo quy định tại Điều này. Trường hợp tài sản trưng dụng đã tham gia bảo hiểm bị thiệt hại nhưng không được doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm chi trả bồi thường hoặc số tiền bồi thường được doanh nghiệp kinh doanh

bảo hiểm chi trả thấp hơn mức bồi thường quy định tại khoản này thì số tiền chênh lệch do ngân sách nhà nước chi trả.

4. Trường hợp tài sản trưng dụng là tài sản công tại cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam bị mất hoặc bị hư hỏng thì được bố trí kinh phí theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để mua mới hoặc sửa chữa.

5. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 29. Huy động người vận hành, điều khiển tài sản trưng dụng

1. Trường hợp tài sản trưng dụng phải có người vận hành, điều khiển nhưng tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản trưng dụng không có người *có chuyên môn để thực hiện vận hành, điều khiển tài sản* thì người quyết định trưng dụng tài sản được huy động người đang vận hành, điều khiển tài sản trưng dụng đó để vận hành, điều khiển.

2. Quyết định huy động người vận hành, điều khiển tài sản trưng dụng phải được thể hiện bằng văn bản và phải được giao cho người được huy động, *tổ chức đang quản lý người được huy động*. Trường hợp đặc biệt không thể ra quyết định bằng văn bản thì người có thẩm quyền quyết định trưng dụng tài sản được quyết định huy động người vận hành, điều khiển tài sản trưng dụng bằng lời nói và phải có ghi âm *hoặc ghi hình* hoặc viết giấy xác nhận việc huy động ngay tại thời điểm huy động và *có trách nhiệm ban hành Quyết định huy động người vận hành, điều khiển tài sản trưng dụng trong thời hạn tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày quyết định huy động bằng lời nói*.

3. Người được huy động vận hành, điều khiển tài sản trưng dụng có nghĩa vụ chấp hành quyết định huy động.

4. Trong thời gian được huy động để vận hành, điều khiển tài sản trưng dụng, người được huy động *được tổ chức được giao quản lý, sử dụng tài sản trưng dụng trả tiền cho thời gian được huy động tính theo mức lương* trung bình ba tháng liền kề của công việc mà người đó thực hiện trước khi được huy động. Trường hợp người được huy động *không có lương* trong ba tháng liền kề thì được *tính* theo mức lương tối thiểu vùng tại thời điểm huy động.

5. Khi thi hành quyết định huy động của người có thẩm quyền quy định tại Luật này, nếu người được huy động để vận hành, điều khiển tài sản trưng dụng bị thiệt hại về tính mạng hoặc sức khỏe trong thời gian huy động thì được bồi thường như sau:

a) Trường hợp bị ốm đau, tai nạn thì được thanh toán chi phí cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe.

b) Trường hợp bị suy giảm hoặc mất hoàn toàn khả năng lao động thì được hưởng trợ cấp do suy giảm khả năng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

c) Trường hợp bị thiệt hại về tính mạng thì được bồi thường chi phí cho việc mai táng và tiền cấp dưỡng cho những người mà người được huy động có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật về lao động.

d) Trường hợp bị thương hoặc chết mà đủ điều kiện thì được hưởng chính sách theo quy định của pháp luật về người có công.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Điều khoản thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2027.
2. Điều khoản chuyển tiếp:

a) Đối với các trường hợp Nhà nước đã có quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành *nhưng đến thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành chưa hoàn tất việc thanh toán tiền trưng mua, tiền bồi thường thiệt hại khi trưng dụng tài sản* thì thực hiện theo các quy định của pháp luật tại thời điểm có quyết định trưng mua, trưng dụng; *trường hợp quy định về thanh toán tiền trưng mua, tiền bồi thường thiệt hại khi trưng dụng tài sản tại Luật này có lợi hơn cho người có tài sản thì được áp dụng theo quy định tại Luật này.*

b) Trường hợp Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định hủy bỏ quyết định trưng mua, trưng dụng tài sản của Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quyết định hủy bỏ đã ban hành.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày tháng năm 2026.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn